

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG

TIẾT 1

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9 (*từ đơn và từ phức, thành ngữ, nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ*).

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Khác với những bài trước, cụm bài *Tổng kết về từ vựng* có nhiệm vụ củng cố lại những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9. Mỗi vấn đề ôn tập được tách thành một mục riêng. Trong mỗi mục có hai phần. Một phần ôn lại kiến thức (chủ yếu là về các khái niệm) đã học. Một phần là bài tập để nhận diện và vận dụng khái niệm, hiện tượng đã học. Riêng tiết thứ năm (tiết cuối cùng) của cụm bài tổng kết, SGK dành hẳn cho các bài tập vận dụng. Điều đó cho thấy mục đích của việc tổng kết không chỉ là giúp HS ghi nhớ kiến thức đã học mà còn giúp các em biết sử dụng những kiến thức đó trong giao tiếp, đặc biệt trong việc tiếp nhận, phân tích văn bản, gắn việc dạy học những vấn đề từ vựng với hoạt động thực tiễn.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1

Bước 1. GV hướng dẫn HS ôn lại khái niệm từ đơn và từ phức, phân biệt các loại từ phức.

Bước 2. Hướng dẫn HS làm bài tập 2 mục I (SGK) để nhận diện từ ghép và từ láy.

Từ ghép : *ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bọ bèo, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn.*

Từ láy : *nho nhỏ, gặt gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh.*

Lưu ý HS : Những từ ghép nói trên có các yếu tố cấu tạo giống nhau một phần về vỏ ngữ âm nhưng chúng được coi là từ ghép vì giữa các yếu tố có mối quan hệ ngữ nghĩa với nhau. Sự giống nhau về ngữ âm ở đây có tính chất ngẫu nhiên.

Bước 3. Hướng dẫn HS làm bài tập 3 mục I (SGK) để phân biệt :

– Những từ láy có sự "giảm nghĩa" : *trắng trắng, đêm đẹp, nhỏ nhỏ, lạnh lạnh, xóm xóm.*

– Những từ láy có sự "tăng nghĩa" : *sạch sành sanh, sát sàn sạt, nhấp nhô.*

Hoạt động 2

Bước 1. GV hướng dẫn HS ôn lại khái niệm thành ngữ.

Bước 2. Hướng dẫn các em xác định thành ngữ và tục ngữ trong những tổ hợp từ đã cho ở bài tập 2 mục II (SGK). Qua bài tập này, GV giúp HS nắm vững sự phân biệt thành ngữ và tục ngữ. Thành ngữ thường là một ngữ cố định biểu thị khái niệm, còn tục ngữ thường là một câu biểu thị phán đoán, nhận định.

a) Tục ngữ, có nghĩa là "hoàn cảnh, môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến tính cách, đạo đức của con người".

b) Thành ngữ, có nghĩa là "làm việc không đến nơi đến chốn, bỏ dở, thiếu trách nhiệm".

c) Tục ngữ, có nghĩa là "muốn giữ gìn thức ăn, với chó thì phải treo lên, với mèo thì phải đập lại".

d) Thành ngữ, có nghĩa là "tham lam, được cái này lại muốn cái khác hơn".

e) Thành ngữ, có nghĩa là "sự thông cảm, thương xót giả dối nhằm đánh lừa người khác".

Bước 3. GV có thể tổ chức cho HS làm bài tập 3 mục II (SGK) theo hai cách.

Cách 1 : Yêu cầu từng em một tìm hai thành ngữ có đặc điểm như bài tập yêu cầu. HS sau không được lặp lại thành ngữ mà HS trước đã nêu.

Cách 2 : Chia lớp thành các nhóm và cho các em thi nhau xem nhóm nào tìm ra được nhiều thành ngữ có đặc điểm như bài tập yêu cầu.

Trong tiếng Việt có vô số thành ngữ có yếu tố chỉ động vật. GV có thể chọn những thành ngữ như : *như chó với mèo, đầu voi đuôi chuột, như hổ về rừng, miệng hùm gan sứa, vuốt râu hùm, kiến bò chảo nóng, mỡ để miệng mèo, như mèo thấy mỡ, mèo mả gà đồng, lên xe xuống ngựa, ăn ốc nói mò, vẽ rắn thêm chân, rồng đến nhà tôm, như vịt nghe sấm,...*

Số thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật trong tiếng Việt không nhiều. GV có thể chọn những thành ngữ có từ chỉ cây, các loại cây và những bộ phận của cây như : *bãi bể nương dâu, bèo dạt mây trôi, cần rơm cần cỏ, cây cao bóng cả, cây nhà lá vườn, cười ngựa xem hoa, dây cà ra dây muống, bẻ hành bẻ tỏi,...*

Cần lưu ý là ngoài việc tìm thành ngữ có yếu tố chỉ động vật, thực vật, bài tập này còn yêu cầu giải thích nghĩa và đặt câu với mỗi thành ngữ tìm được.

Chẳng hạn *điều hổ li sơn* có nghĩa là "dụ đối phương ra khỏi nơi mà đối phương có ưu thế để dễ bề chinh phục, dễ bề đánh thắng", ví dụ : "*Công an đã dùng kế điều hổ li sơn để bắt tên cướp.*"

Bước 4. GV yêu cầu HS làm bài tập 4 mục II (SGK) : Tìm hai dẫn chứng về việc sử dụng thành ngữ trong văn chương. Có thể gợi ý để các em nhớ lại những thành ngữ trong các tác phẩm đã học như :

– *Cá chậu chim lồng* : cảnh tù túng, bó buộc, mất tự do. Ví dụ : *Một đời được mấy anh hùng – Bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*).

– *Cửa các buồng khuê* : nơi ở của con gái nhà giàu sang ngày xưa, chỉ người con gái khuê các. Ví dụ : *Xót mình cửa các buồng khuê – Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*).

– *Bảy nổi ba chìm* : sống lênh đênh, gian truân, lận đận. Ví dụ : *Thân em vừa trắng, lại vừa tròn – Bảy nổi ba chìm với nước non* (Hồ Xuân Hương, *Bánh trôi nước*).

– *Màn trời chiếu đất* : cảnh sống không nhà cửa, dãi dầu, khổ cực. Ví dụ : *Xiết bao ăn tuyết nằm sương – Màn trời chiếu đất dậm trường lao đao* (Nguyễn Đình Chiểu, *Truyện Lục Vân Tiên*).

Hoạt động 3

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm nghĩa của từ.

Bước 2. Hướng dẫn HS làm bài tập 2 mục III (SGK) : chọn cách hiểu đúng trong số bốn cách hiểu đã cho.

Chọn cách hiểu (a). Không thể chọn (b) vì nghĩa của *mẹ* chỉ khác nghĩa của *bố* ở phần nghĩa "người phụ nữ". Không thể chọn (c) vì trong hai câu này, nghĩa của từ *mẹ* có thay đổi. Nghĩa của *mẹ* trong "*Mẹ em rất hiền.*" là nghĩa gốc, còn nghĩa của từ *mẹ* trong "*Thất bại là mẹ thành công.*" là nghĩa chuyển. Không thể chọn (d) vì nghĩa của từ *mẹ* và nghĩa của từ *bà* có phần nghĩa chung là "người phụ nữ".

Bước 3. Hướng dẫn HS làm bài tập 3 mục III (SGK) : chọn cách hiểu đúng trong số hai cách hiểu đã cho và giải thích lí do vì sao lựa chọn như vậy.

Cách giải thích (b) là đúng. Cách giải thích (a) vi phạm một nguyên tắc quan trọng phải tuân thủ khi giải thích nghĩa của từ, vì đã dùng một cụm từ có

nghĩa thực thể (đức tính rộng lượng, dễ thông cảm với người có sai lầm và dễ tha thứ – cụm danh từ) để giải thích cho một từ chỉ đặc điểm, tính chất (độ lượng – tính từ).

Hoạt động 4

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

Bước 2. Hướng dẫn làm bài tập 2 mục IV (SGK).

Từ *hoa* trong *thêm hoa, lệ hoa* được dùng theo nghĩa chuyển. Tuy nhiên không thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa, vì nghĩa chuyển này của từ *hoa* chỉ là nghĩa chuyển lâm thời, nó chưa làm thay đổi nghĩa của từ, chưa thể đưa vào từ điển.

TIẾT 2

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9 (*từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ, trường từ vựng*).

II – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm từ đồng âm, phân biệt hiện tượng từ nhiều nghĩa và hiện tượng từ đồng âm.

Bước 2. Hướng dẫn HS làm bài tập 2 mục V (SGK).

a) Có hiện tượng từ nhiều nghĩa, vì nghĩa của từ *lá* trong *lá phổi* có thể coi là kết quả chuyển nghĩa của từ *lá* trong *lá xa cành*.

b) Có hiện tượng từ đồng âm vì hai từ có vỏ ngữ âm giống nhau nhưng nghĩa của từ *đường* trong *đường ra trận* không có một mối liên hệ nào với nghĩa của từ *đường* trong *ngọt như đường*. Hoàn toàn không có cơ sở để cho rằng nghĩa này được hình thành trên cơ sở nghĩa kia.

Hoạt động 2.

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm từ đồng nghĩa.

Bước 2. Hướng dẫn các em làm bài tập 2 mục VI (SGK).

Chọn cách hiểu (d) (Các từ đồng nghĩa với nhau có thể không thay thế được cho nhau trong nhiều trường hợp sử dụng). Không thể chọn (a) vì đồng nghĩa là hiện tượng phổ quát của ngôn ngữ nhân loại, nói cách khác, không có ngôn ngữ nào trên thế giới không có hiện tượng đồng nghĩa. Không thể chọn (b) vì đồng nghĩa có thể là quan hệ giữa hai, ba hoặc nhiều hơn ba từ. Không thể chọn (c) vì không phải bao giờ các từ đồng nghĩa cũng có nghĩa hoàn toàn giống nhau.

Bước 3. Hướng dẫn HS làm bài tập 3 mục VI (SGK).

Xuân là từ chỉ một mùa trong năm, khoảng thời gian tương ứng với một tuổi. Có thể coi đây là trường hợp lấy bộ phận để thay cho toàn thể, một hình thức chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ.

Từ *xuân* thể hiện tinh thần lạc quan của tác giả. Ngoài ra, dùng từ này còn là để tránh lặp với từ *tuổi tác*.

Hoạt động 3

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm từ trái nghĩa. Cần lưu ý HS, cũng như đồng nghĩa, trái nghĩa là một khái niệm thuộc về quan hệ giữa các từ. Khi nói một từ nào đó là từ trái nghĩa thì ta phải đặt nó trong quan hệ với một từ nào khác. Không có bất kì từ nào bản thân nó là từ trái nghĩa.

Bước 2. Hướng dẫn các em làm bài tập 2 và 3* mục VII (SGK).

– **Bài tập 2.** Những cặp từ có quan hệ trái nghĩa : *xấu – đẹp, xa – gần, rộng – hẹp.*

– **Bài tập 3*.** Cùng nhóm với *sống – chết* có : *chấn – lể, chiến tranh – hoà bình* (thường được gọi là trái nghĩa lưỡng phân ; hai từ trái nghĩa kiểu này biểu thị hai khái niệm đối lập nhau và loại trừ nhau, khẳng định cái này nghĩa là phủ định cái kia ; thường không có khả năng kết hợp được với những từ chỉ mức độ như *rất, hơi, lắm, quá*).

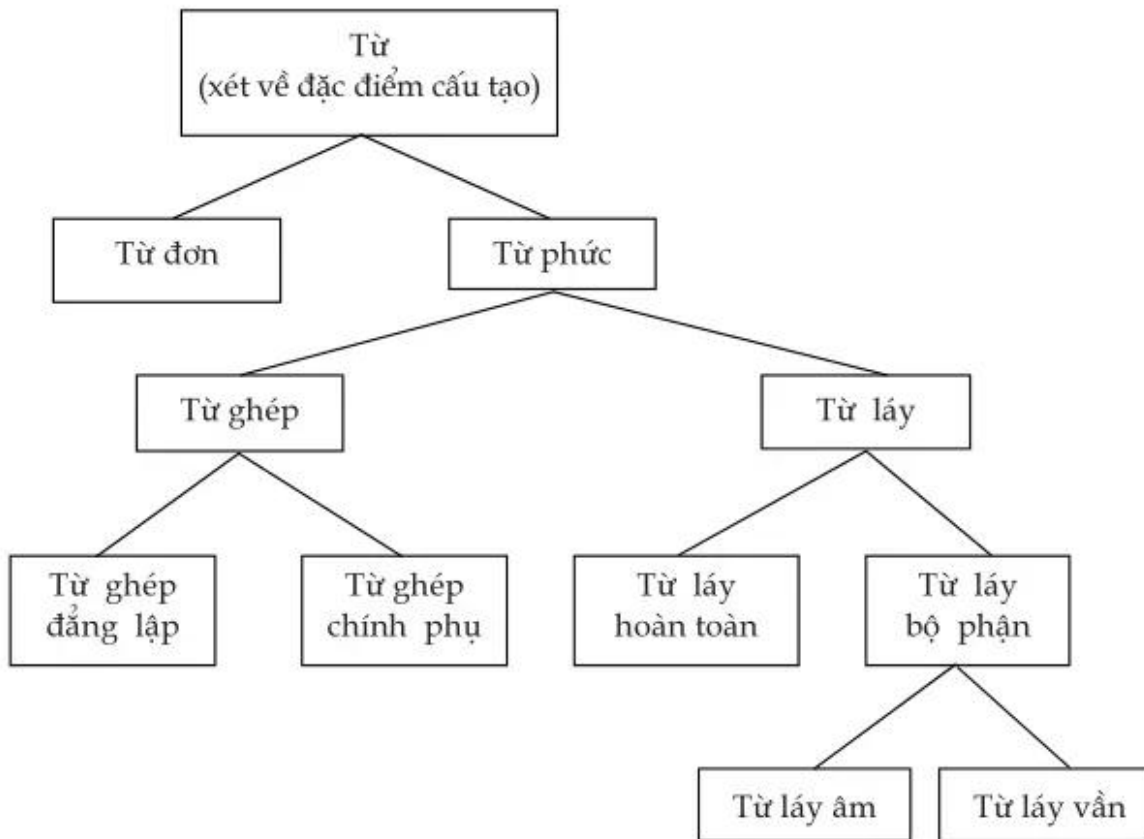
Cùng nhóm với *già – trẻ* có : *yêu – ghét, cao – thấp, nông – sâu, giàu – nghèo* (thường được gọi là trái nghĩa thang độ ; hai từ trái nghĩa kiểu này biểu thị hai khái niệm có tính chất thang độ, khẳng định cái này không có nghĩa là phủ định cái kia ; có khả năng kết hợp được với những từ chỉ mức độ như *rất, hơi, lắm, quá*).

Hoạt động 4

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ. GV giúp cho HS hiểu rõ hơn đây thực chất cũng là vấn đề quan hệ nghĩa giữa các từ ngữ như đồng nghĩa và trái nghĩa.

Bước 2. Hướng dẫn các em làm bài tập 2 mục VIII (SGK).

– Điền từ ngữ thích hợp vào các ô trống trong sơ đồ :



– Giải thích nghĩa của các từ ngữ trong sơ đồ bằng cách sử dụng từ ngữ nghĩa rộng để giải thích nghĩa của từ ngữ nghĩa hẹp.

Mẫu : *Từ ghép* là *từ phức* được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.

Hoạt động 5

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm trường từ vựng. Có thể yêu cầu các em tìm một số ví dụ.

Bước 2. Hướng dẫn HS làm bài tập 2 mục IX (SGK).

Tác giả dùng hai từ cùng trường từ vựng là *tấm* và *bé*. Việc sử dụng các từ này góp phần tăng giá trị biểu cảm của câu nói, làm cho câu nói có sức tố cáo mạnh mẽ hơn.